

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ VÀ KỸ NĂNG HÀNH NGHỀ PHÁP LÝ CHO SINH VIÊN LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bùi Thị Nga¹, Phạm Thị Ninh²

Email: ngabt@ehou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1045

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, lĩnh vực pháp luật cũng chịu tác động sâu sắc từ sự phát triển của công nghệ số. Đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở đào tạo luật trong việc trang bị cho sinh viên không chỉ kiến thức chuyên môn pháp lý, mà còn năng lực số và kỹ năng hành nghề phù hợp với môi trường làm việc mới. Bài viết này phân tích vai trò của năng lực số trong hoạt động pháp lý, xác định những kỹ năng số cốt lõi mà sinh viên luật cần có, đồng thời đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm phát triển năng lực này trong quá trình đào tạo. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp - phân tích tài liệu. Kết quả cho thấy việc tích hợp nội dung chuyển đổi số vào chương trình đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, và hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp là những yếu tố then chốt để nâng cao năng lực số và kỹ năng hành nghề pháp lý cho sinh viên. Nghiên cứu này góp phần cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc đổi mới giáo dục pháp luật trong thời đại số.

Từ khóa: năng lực số, kỹ năng hành nghề pháp lý, sinh viên luật, chuyển đổi số, đào tạo luật

I. Đặt vấn đề

Công cuộc chuyển đổi số quốc gia đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực, bao gồm cả giáo dục đại học và đào tạo ngành luật. Ngành luật vốn là một ngành khoa học xã hội, thường được sử dụng các phương pháp truyền thống trong đào tạo nay cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi

công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và các nền tảng trực tuyến. Thị trường pháp lý hiện nay đặt ra nhiều yêu cầu mới: từ tư vấn pháp lý trực tuyến, giải quyết tranh chấp điện tử (ODR) đến việc sử dụng hợp đồng thông minh và đảm bảo an toàn dữ liệu trong giao dịch. Năng lực sử dụng công nghệ số đã trở thành tiêu chí gần như bắt

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

² Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp.

buộc đối với người hành nghề luật hiện nay. Tuy nhiên, thực tế cho thấy sinh viên luật tại Việt Nam hiện còn hạn chế về kỹ năng số - nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm, tổng hợp thông tin và dễ bị tụt hậu so với những đồng nghiệp thành thạo công nghệ hơn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để xác định khung năng lực số cần có cho sinh viên luật và đề xuất giải pháp phát triển các kỹ năng hành nghề pháp lý thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số là hết sức cần thiết và cấp bách. Điều này nhằm đảm bảo thể hệ cử nhân luật mới tốt nghiệp có thể hòa nhập vào môi trường pháp lý hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp lý cho thời kỳ số hóa.

Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào ba hướng chính như sau:

1. Làm rõ khái niệm và cấu trúc của năng lực số cũng như các kỹ năng hành nghề pháp lý trong bối cảnh hiện đại, qua đó hiểu được sinh viên luật cần trang bị những gì về kiến thức và kỹ năng số.

2. Phân tích thực trạng năng lực số của sinh viên luật Việt Nam, bao gồm mức độ tích hợp công nghệ trong đào tạo luật hiện nay và những điểm còn hạn chế.

3. Đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm phát triển năng lực số cho sinh viên luật, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực pháp lý trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

II. Cơ sở lý luận về năng lực số và kỹ năng hành nghề pháp lý

2.1. Năng lực số (*Digital Competence*)

Năng lực số hiện được hiểu theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Theo UNESCO (2022), đây là khả năng truy cập, quản lý,

đánh giá, giao tiếp và sáng tạo thông tin một cách an toàn và hiệu quả trong môi trường số. Liên minh châu Âu phát triển Khung DigComp, xác định 21 năng lực thành phần thuộc 5 nhóm chính: (1) xử lý thông tin và dữ liệu; (2) giao tiếp - hợp tác số; (3) sáng tạo nội dung số; (4) an toàn và đạo đức số; (5) giải quyết vấn đề trong môi trường số (Lê Trung Nghĩa, 2021).

Trong đào tạo luật, năng lực số được hiểu cụ thể là khả năng tìm kiếm, phân tích và ứng dụng thông tin pháp lý bằng công nghệ. Sinh viên cần biết tra cứu cơ sở dữ liệu pháp luật, sử dụng công cụ đọc - phân tích tài liệu, tiếp cận nguồn học thuật đáng tin cậy và khai thác dữ liệu pháp lý phục vụ học tập, nghiên cứu và công việc sau này, trong bối cảnh hầu hết thông tin pháp luật đã được số hóa.

2.2. Kỹ năng hành nghề pháp lý trong kỷ nguyên số

Nếu trước đây kỹ năng hành nghề pháp lý chủ yếu xoay quanh soạn thảo, tư vấn trực tiếp, đàm phán và tranh tụng thì hiện nay phạm vi này mở rộng sang việc sử dụng thành thạo các công nghệ pháp lý. Người hành nghề luật hiện đại phải kết hợp kiến thức pháp lý với kỹ năng công nghệ.

Một số nhóm kỹ năng quan trọng gồm:

Khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử: Sử dụng hệ thống văn bản pháp luật, án lệ và phần mềm quản lý trực tuyến để tra cứu nhanh và chính xác thay cho phương thức thủ công.

Sử dụng phần mềm pháp lý: Thành thạo công cụ quản lý hồ sơ vụ việc, ký hợp đồng điện tử, lưu trữ tài liệu số và ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu pháp lý.

Bảo mật dữ liệu và đạo đức số: Ý thức cao về an toàn thông tin, tuân thủ quy

định về bảo vệ dữ liệu và liêm chính nghề nghiệp. Các vụ việc bị chế tài do sử dụng AI tạo ra thông tin sai cho thấy tầm quan trọng của kiểm chứng và đạo đức nghề luật trong môi trường số.

Như vậy, kỹ năng hành nghề pháp lý trong chuyển đổi số không chỉ dựa vào kiến thức luật mà còn đòi hỏi khả năng sử dụng công cụ số để hỗ trợ nghiên cứu, tư vấn và tranh tụng một cách hiệu quả và an toàn.

2.3. *Mối quan hệ giữa năng lực số và năng lực hành nghề luật*

Năng lực số và năng lực hành nghề pháp lý có quan hệ bổ trợ chặt chẽ. Năng lực số là nền tảng để thực hiện hoạt động nghề nghiệp hiện đại, bởi phần lớn quy trình pháp lý đã chuyển sang môi trường trực tuyến trong việc tra cứu pháp luật, quản lý hồ sơ, tương tác với khách hàng, hay phân tích dữ liệu: Năng lực số cho phép người hành nghề luật khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử, án lệ, và phần mềm quản lý trực tuyến để tra cứu thông tin nhanh chóng và chính xác. Năng lực sử dụng phần mềm pháp lý giúp quản lý hồ sơ vụ việc, thực hiện ký hợp đồng điện tử, và lưu trữ tài liệu số một cách có hệ thống và chuyên nghiệp. Kỹ năng số hỗ trợ các hình thức hành nghề mới như tư vấn pháp lý trực tuyến và tham gia giải quyết tranh chấp điện tử. Các công cụ số như AI hỗ trợ phân tích dữ liệu pháp lý, giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu, tư vấn và tranh tụng. Thiếu kỹ năng số, người hành nghề khó làm việc hiệu quả dù có kiến thức pháp lý tốt.

Đồng thời, năng lực pháp lý định hướng cách sử dụng công nghệ một cách đúng đắn, đặc biệt trong các vấn đề liên

quan đến an toàn, bảo mật, đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật về dữ liệu. Công nghệ hỗ trợ nhưng không thể thay thế tư duy pháp lý và trách nhiệm nghề nghiệp. Vì vậy, đào tạo luật cần đảm bảo sự cân bằng: tăng cường tích hợp công nghệ nhưng vẫn giữ vững nền tảng lý luận pháp luật, xây dựng đội ngũ cử nhân luật vừa giỏi chuyên môn vừa thành thạo kỹ năng số.

III. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là năng lực số và kỹ năng hành nghề pháp lý của sinh viên luật trong bối cảnh giáo dục đại học. Nghiên cứu tập trung xác định các năng lực số cần thiết đối với sinh viên luật và đánh giá thực trạng những năng lực này tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam giai đoạn 2020-2025, thời kỳ chuyển đổi số phát triển mạnh trong giáo dục và nghề luật. Một số kinh nghiệm quốc tế từ Anh, Hoa Kỳ, Singapore, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu được tham khảo nhằm tạo cơ sở so sánh và đối chiếu, nhưng trọng tâm phân tích vẫn đặt vào bối cảnh Việt Nam.

Để đạt mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng kết hợp phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu và phương pháp so sánh. Phần phân tích - tổng hợp tập trung vào hệ thống văn bản chính sách của Việt Nam liên quan đến chuyển đổi số và giáo dục pháp luật, như Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW và Quyết định 131/QĐ-TTg. Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu kinh nghiệm quốc tế và các khung năng lực của UNESCO, EU DigComp, qua đó rút ra bài học và đề xuất giải pháp phù hợp cho đào tạo luật tại Việt Nam.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng về năng lực số và kỹ năng hành nghề pháp lý của sinh viên Việt Nam

Mức độ chuyển đổi số trong đào tạo luật

Trong những năm gần đây, các cơ sở đào tạo luật đã bước đầu triển khai chuyển đổi số, đặc biệt trong giai đoạn đại dịch COVID-19 với việc áp dụng rộng rãi các nền tảng dạy học trực tuyến (Zoom, Microsoft Teams, Google Meet, v.v.) và mô hình học kết hợp. Một số trường đã thử nghiệm công nghệ mới như phòng xử án ảo hoặc thực tế ảo (VR) hỗ trợ sinh viên tương tác trực quan với tình huống pháp lý (Nguyễn & Đỗ, 2025). Tuy vậy, mức độ chuyển đổi số nhìn chung còn hạn chế và thiếu đồng bộ. Việc ứng dụng công nghệ chủ yếu dừng ở hoạt động giảng dạy, trong khi nội dung chương trình hầu như chưa tích hợp các môn học về công nghệ pháp lý, dữ liệu, AI hay mô phỏng tố tụng số. Chẳng hạn, rất ít trường luật Việt Nam có môn học về hợp đồng thông minh hay bảo vệ dữ liệu số, trong khi đây là những nội dung đang nổi lên trên thế giới. Việc mô phỏng tòa án ảo để rèn kỹ năng tranh tụng số cho sinh viên cũng chưa được triển khai rộng rãi. Nhìn chung, mức độ chuyển đổi số trong đào tạo luật còn ở giai đoạn khởi đầu và chưa có định hướng chiến lược thống nhất giữa các trường (Nguyễn & Đỗ, 2025).

Năng lực số của sinh viên luật hiện nay

Đa số sinh viên luật hiện nay thuộc thế hệ trẻ, khá thành thạo các kỹ năng CNTT cơ bản như soạn thảo văn bản, trình bày slide, tra cứu internet. Tuy nhiên, khi đi vào các kỹ năng số chuyên sâu hơn phục vụ cho ngành luật thì còn nhiều hạn

chế. Khả năng khai thác và phân tích dữ liệu pháp lý của sinh viên còn yếu - chưa khai thác hiệu quả các văn bản pháp luật ở nguồn chính thống (ví dụ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật), hoặc không quen sử dụng các cơ sở dữ liệu án lệ, tạp chí khoa học pháp lý trực tuyến. Kỹ năng xử lý thông tin cũng ở mức cơ bản, thường chỉ dừng ở việc chép dẫn chiếu luật hoặc tổng hợp thủ công, chưa biết ứng dụng các công cụ hỗ trợ phân tích dữ liệu (như phần mềm quản lý tài liệu, phần mềm phân tích bản án). Tư duy ra quyết định dựa trên dữ liệu - ví dụ sử dụng các báo cáo thống kê số liệu vụ việc để định hướng lập luận pháp lý - vẫn còn xa lạ với nhiều sinh viên luật vốn quen tiếp cận sự việc dưới góc độ lý thuyết thuần túy.

Về an toàn thông tin, nhiều sinh viên chưa chú trọng bảo mật hồ sơ, ít sử dụng mật khẩu hoặc phân quyền khi chia sẻ tài liệu, và thiếu kỹ năng xác thực đa yếu tố. Hiện tượng sao chép, lệ thuộc vào nội dung trực tuyến hoặc sử dụng AI không kiểm chứng cũng biểu hiện hạn chế về đạo đức số (Kosmyna & cộng sự, 2025).

Nhìn chung, năng lực số của sinh viên luật Việt Nam chưa đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, nhất là ở các kỹ năng khai thác dữ liệu pháp lý, phân tích thông tin và tuân thủ chuẩn mực đạo đức - an ninh số. Đây là khoảng trống mà nhà trường và bản thân sinh viên cần nỗ lực khắc phục trong thời gian tới.

Hạn chế trong kỹ năng hành nghề pháp lý của sinh viên

Do chương trình đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ với công nghệ, sinh viên luật thiếu trải nghiệm thực hành nghề nghiệp trên nền tảng số.

Thứ nhất, Phần lớn chưa từng sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ, công cụ

soạn thảo hợp đồng số hay hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến. Việc rèn luyện kỹ năng tranh tụng hoặc tư vấn vẫn chủ yếu theo phương thức truyền thống thông (diễn án trực tiếp, tư vấn trên giấy), thiếu sự hỗ trợ của mô phỏng số. Trong khi đó, trên thế giới đã xuất hiện các phòng xử án ảo nơi sinh viên có thể luyện tập tranh tụng và được phân mềm chấm điểm dựa trên giọng điệu, cử chỉ...(Nguyễn & Đỗ, 2025).

Thứ hai, khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn công nghệ vẫn lớn do thiếu liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp LegalTech hoặc văn phòng luật ứng dụng công nghệ. Sinh viên vì thế khó tiếp cận các mô hình làm việc hiện đại, trong khi xu hướng quốc tế cho thấy AI và công cụ số đang ngày càng phổ biến trong đào tạo và hành nghề luật. Một ví dụ điển hình về việc áp dụng AI vào lớp học về pháp luật tại Trường Luật Sturm - Đại học Denver tại Hoa Kỳ, trong khóa học về luật tài sản (Property Course), giảng viên ứng dụng ChatGPT vào hoạt động thảo luận tại lớp và tiến hành một khảo sát đối với sinh viên tham gia lớp học, trong đó 70% sinh viên được khảo sát cho rằng AI hữu ích cho việc học tập của họ, 80% sinh viên cho rằng AI hữu ích cho những cuộc thảo luận ngắn tại lớp và 80% sinh viên cho rằng họ nên có kiến thức về việc sử dụng hệ thống AI. Họ cho rằng công cụ AI có thể hỗ trợ cho việc học tập pháp luật cho họ, mặc dù rằng có một số ít không đồng tình với quan điểm này, tuy vậy có thể thấy hầu hết sinh viên đều phát biểu ủng hộ việc tích hợp AI nhiều hơn vào quá trình học tập pháp luật (Bliss, 2024).

Thứ ba, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo số còn chênh lệch đáng kể giữa các trường. Không phải cơ sở nào cũng có phòng thực hành hiện đại, thư viện điện tử

phong phú hoặc hệ thống internet đáp ứng nhu cầu học tập số. Sự thiếu đồng bộ này ảnh hưởng rõ rệt đến cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp hiện đại của sinh viên.

Như vậy, năng lực số không còn là một kỹ năng phụ trợ mà là một thành tố cốt lõi của kỹ năng hành nghề pháp lý. Đào tạo luật phải đảm bảo sự cân bằng: tăng cường tích hợp công nghệ để hỗ trợ hiệu quả nghề nghiệp, nhưng vẫn giữ vững nền tảng lý luận pháp luật để duy trì trách nhiệm và đạo đức số.

4.2. Kinh nghiệm quốc tế phát triển năng lực số cho sinh viên luật

Kinh nghiệm của Anh và Hoa Kỳ

Tại Anh và Hoa Kỳ, việc tích hợp công nghệ vào đào tạo luật đã được triển khai sớm và bài bản. Các trường hàng đầu như Harvard, Oxford hay University College London (UCL) mở các khóa về Luật và công nghệ, cũng như đưa vào chương trình những học phần liên ngành như Law and Technology (luật và công nghệ), Legal Analytics (phân tích dữ liệu pháp lý) hay AI & Law (trí tuệ nhân tạo và pháp luật), đồng thời thành lập các trung tâm nghiên cứu công nghệ pháp lý, tiêu biểu như CodeX của Đại học Stanford - nơi sinh viên luật và chuyên gia công nghệ cùng phát triển giải pháp công nghệ pháp lý (Warren, 2019).

Bên cạnh đó, các trường tại Hoa Kỳ ứng dụng mạnh mô phỏng thực hành. Mô hình phiên tòa giả định (moot court - phiên tòa giả định). Các chương trình thí điểm sử dụng công nghệ thực tế ảo (VR) (van Dongen, 2024) được triển khai nhằm tăng cường trải nghiệm học tập tại các trường đào tạo luật khác như Oklahoma và UNT Dallas, với kế hoạch tích hợp chi tiết được trình bày trong Hội nghị Hiệp hội Thư viện Luật Hoa Kỳ (AALL), trong

đó công nghệ video và mô hình 3-D được ứng dụng để tăng cường khả năng học tập của sinh viên. Một số ví dụ điển hình gồm: Đại học Oklahoma xây dựng hiện trường vụ án mô phỏng bằng VR qua Oculus, cho phép sinh viên điều tra ba chiều; UNT Dallas mô phỏng phòng xử án, nơi sinh viên được chấm điểm theo giọng điệu, giao tiếp mắt và thời gian trình bày (van Dongen, 2024; Warren, 2019).

Nhìn chung, kinh nghiệm từ Anh - Mỹ cho thấy công nghệ được tích hợp vào mọi khía cạnh đào tạo luật, từ nội dung môn học đến mô phỏng thực hành và phòng thí nghiệm LegalTech, giúp sinh viên vừa nắm chắc kiến thức pháp lý vừa thành thạo công cụ số.

Kinh nghiệm của Singapore và Hàn Quốc

Singapore và Hàn Quốc cũng có chính sách mạnh mẽ trong trang bị năng lực số cho sinh viên luật. Tại Singapore, Khoa Luật của Đại học Quốc gia Singapore (NUS) yêu cầu sinh viên năm ba bắt buộc học môn Luật và công nghệ như chuẩn đầu ra về kỹ năng pháp lý số (digital legal skills). Ngoài ra, NUS còn phát triển hẳn chuyên ngành Luật Công nghệ và Sở hữu trí tuệ (Intellectual Property & Technology Law) với nhiều môn tự chọn liên quan mật thiết đến công nghệ số, như Artificial Intelligence, Information Science & Law (Trí tuệ nhân tạo, khoa học thông tin và luật), Digital Technologies and Human Rights (Công nghệ số và nhân quyền), Global Data Privacy Law (Luật bảo mật dữ liệu toàn cầu), IT Law (Luật công nghệ thông tin), Law, Fintech and the Platform Economy (Luật, công nghệ tài chính và kinh tế nền tảng), Privacy & Data Protection Law (Luật bảo vệ dữ liệu) hay Regulation of Digital Platforms (Quy

định về các nền tảng số). Việc đa dạng hóa môn học như vậy tạo cơ hội cho sinh viên Singapore tiếp cận kiến thức luật trong bối cảnh số hóa rất sâu rộng. (The National University of Singapore, n.d.).

Tại Hàn Quốc, nhiều trường luật đang điều chỉnh chương trình để tích hợp nội dung trí tuệ nhân tạo và công nghệ. Chính phủ khuyến khích hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp công nghệ. Như, Trường luật Đại học Kookmin ký kết với Intel và các công ty công nghệ để phát triển ngân hàng câu hỏi, chatbot pháp lý và các công cụ hỗ trợ phân tích các hồ sơ pháp lý, án lệ bằng máy học. Một số trường xây dựng trung tâm trí tuệ nhân tạo pháp lý, nơi sinh viên có thể tham gia các dự án thực nghiệm như phát triển chatbot tư vấn hoặc phân tích bản án tự động (Lim, 2025).

Từ kinh nghiệm của Singapore và Hàn Quốc, có thể thấy bài học quan trọng là: đưa kỹ năng pháp lý số vào chuẩn đầu ra bắt buộc của chương trình đào tạo; đồng thời tạo môi trường học đi đôi với hành thông qua hợp tác với các công ty công nghệ pháp lý, giúp sinh viên có trải nghiệm thực tế ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

4.3. Thảo luận và bài học rút ra cho Việt Nam

Những xu hướng quốc tế nêu trên gợi mở nhiều điều cho Việt Nam trong chiến lược phát triển năng lực số cho sinh viên luật. Trước hết, cần sớm xây dựng khung năng lực số dành riêng cho sinh viên luật, có tham chiếu các chuẩn mực quốc tế (như DigComp của EU, khung của UNESCO) nhưng đồng thời phù hợp với bối cảnh pháp lý Việt Nam. Khung này sẽ xác định sinh viên luật tốt nghiệp cần đạt được những năng lực số cụ thể nào (ví

dự: tra cứu pháp luật trực tuyến, sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ, kỹ năng bảo mật dữ liệu khách hàng...). Bên cạnh đó, Việt Nam nên mạnh dạn đổi mới chương trình đào tạo theo hướng mở và liên ngành: bổ sung các học phần về luật trong bối cảnh chuyển đổi số, tạo điều kiện cho sinh viên chọn các môn tích hợp công nghệ. Việt Nam cũng có thể học tập Singapore bằng cách xây dựng các môn học này thành chuẩn đầu ra bắt buộc, tạo động lực cho sinh viên và giảng viên. Đặc biệt, các trường luật có thể thiết lập những phòng thí nghiệm công nghệ pháp lý hoặc câu lạc bộ pháp luật - công nghệ, tạo không gian cho sinh viên thử nghiệm và sáng tạo với sự hướng dẫn của giảng viên. Kinh nghiệm từ Hoa Kỳ gợi ý việc phát triển thư viện số thông minh ở cấp khu vực để dùng chung nguồn lực đào tạo số. Ứng Mô hình này giải quyết triệt để hạn chế về thiếu trải nghiệm thực hành trên nền tảng số của sinh viên Việt Nam. Mặc dù chi phí đầu tư ban đầu cao, các trường luật có thể thí điểm xây dựng các phòng xử án mô phỏng hoặc phòng thí nghiệm công nghệ pháp lý theo lộ trình, ưu tiên mô phỏng các hoạt động tư vấn qua trực tuyến qua thư điện tử hoặc gọi điện thoại video trước khi chuyển sang VR/3D.

Một bài học khác là về phương pháp giảng dạy: cần chuyển từ lối dạy truyền thụ một chiều sang phương pháp tương tác, thực hành với sự hỗ trợ của công nghệ. Sinh viên ngày nay học hiệu quả nhất khi được *trải nghiệm* - như tham gia phiên tòa mô phỏng, làm dự án tư vấn ảo - do đó giảng viên phải tích cực ứng dụng các công cụ số để tăng tính tương tác. Cuối cùng, yếu tố con người vẫn là quyết định - các trường luật Việt Nam phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm của chính mình trong việc chủ động cập nhật kiến

thức mới, tích cực ứng dụng công nghệ số vào đào tạo. Chỉ khi lãnh đạo và giảng viên các trường cùng quyết tâm, chúng ta mới có thể tạo ra thể hệ cử nhân luật chất lượng cao, hiện đại, đáp ứng các đòi hỏi cấp bách của thời đại số.

V. Kết luận

Từ những phát hiện chính từ nghiên cứu về thực trạng năng lực số của sinh viên luật Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Đồng thời, nghiên cứu đã tiến hành phân tích sâu rộng kinh nghiệm thành công của các quốc gia tiên tiến như Anh, Hoa Kỳ, Singapore và Hàn Quốc, chỉ rõ các trụ cột thành công, hoàn toàn có thể được tích hợp một cách chọn lọc và điều chỉnh phù hợp với điều kiện đặc thù của hệ thống giáo dục và pháp luật Việt Nam. Việc áp dụng thành công kinh nghiệm quốc tế này sẽ giúp Việt Nam giải quyết khoảng trống giữa đào tạo và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

Về chương trình và nội dung đào tạo

Trước hết, các trường luật cần tích hợp có hệ thống các học phần về pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số. Những môn như Pháp luật và kinh tế số, Luật và công nghệ AI, Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Tranh tụng trong không gian số, Blockchain và pháp luật hoặc Đạo đức nghề luật trong kỷ nguyên AI có thể được thiết kế thành học phần chính khóa hoặc chuyên đề. Đồng thời, nội dung công nghệ cũng nên được lồng ghép vào các môn luật truyền thống; chẳng hạn, Luật Hình sự bổ sung phần về tội phạm công nghệ cao, Luật Thương mại đề cập hợp đồng điện tử và giao dịch trên nền tảng số.

Song song kiến thức, chương trình cần gắn kết rèn luyện kỹ năng số: yêu cầu sinh viên tra cứu văn bản qua cơ sở dữ liệu điện tử, sử dụng công cụ định dạng - trích

dẫn tự động khi soạn thảo, hoặc thực hiện sản phẩm số như podcast/video pháp lý để phát triển năng lực sáng tạo.

Một định hướng quan trọng khác là điều chỉnh chuẩn đầu ra theo hướng bổ sung tiêu chí về năng lực số. Theo Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật bậc đại học (2025), cử nhân luật phải có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong tra cứu pháp luật và đáp ứng yêu cầu năng lực số hiện hành. Trên cơ sở đó, mỗi trường cần cụ thể hóa chuẩn đầu ra phù hợp đặc thù: ví dụ yêu cầu sinh viên thành thạo tối thiểu một phần mềm hỗ trợ công việc pháp lý hoặc có khả năng tìm kiếm tài liệu tiếng Anh trên cơ sở dữ liệu quốc tế.

Về phương pháp giảng dạy

Phát triển năng lực số đòi hỏi phương pháp dạy học chuyển mạnh sang mô hình tích cực, ứng dụng công nghệ. Mô hình lớp học kết hợp và lớp học đảo ngược nên được triển khai rộng rãi, trong đó sinh viên tự học lý thuyết qua tài liệu số và thời gian trên lớp dành cho thảo luận, xử lý tình huống và thực hành.

Các phương pháp mô phỏng và dựa trên tình huống cần được tăng cường: tổ chức phiên tòa giả định trực tuyến, mô phỏng tư vấn pháp lý qua email/chat, hoặc giao bài tập nhóm thông qua các công cụ cộng tác số như Google Docs, Trello, Zoom. Việc sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ (Notion, OneNote...) trong bài tập lớn cũng giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với quy trình làm việc thực tế của luật sư.

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ phải đi đôi với hướng dẫn đạo đức số. Giảng viên cần thiết lập quy tắc sử dụng thiết bị, giám sát gian lận bằng AI, nhưng đồng thời khuyến khích sinh viên sử dụng công nghệ đúng cách - ví dụ cho phép dùng ChatGPT để gợi ý ý tưởng nhưng

yêu cầu tự viết bài luận và kết hợp thi vấn đáp để đánh giá thực chất.

Về phát triển đội ngũ giảng viên

Giảng viên là nhân tố quyết định chất lượng tích hợp công nghệ trong đào tạo luật. Các trường cần bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên thông qua tập huấn về công cụ giảng dạy trực tuyến, phần mềm mô phỏng, phần mềm quản lý học tập (LMS) và các công cụ hỗ trợ chấm bài, phát hiện đạo văn.

Nhà trường có thể đưa tiêu chí ứng dụng công nghệ vào đánh giá giảng viên để khuyến khích đổi mới phương pháp. Đồng thời, cần xây dựng đội ngũ giảng viên có chuyên môn sâu về giao thoa giữa luật và công nghệ (AI, dữ liệu, blockchain). Việc tuyển dụng nhân sự công nghệ, gửi giảng viên đi đào tạo ngắn hạn nước ngoài hoặc hỗ trợ nghiên cứu về công nghệ pháp lý sẽ giúp củng cố năng lực giảng dạy và phát triển các sản phẩm khoa học phục vụ chuyển đổi số.

Về cơ sở vật chất và học liệu số

Hạ tầng công nghệ là điều kiện thiết yếu. Các trường cần đầu tư phòng học thông minh, hệ thống internet mạnh, và nâng cấp phòng xử án mô phỏng với thiết bị ghi hình, phần mềm mô phỏng trực tuyến.

Một nhiệm vụ quan trọng là xây dựng Trung tâm dữ liệu pháp lý số, tích hợp các cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật, án lệ, tạp chí, luận văn và học liệu điện tử. Theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT (2025), các cơ sở đào tạo luật phải đảm bảo truy cập cơ sở dữ liệu pháp luật Việt Nam và ít nhất một cơ sở dữ liệu pháp lý quốc tế. Do đó, cần sớm kết nối với Westlaw, HeinOnline hoặc LexisNexis để sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng tra cứu chuyên nghiệp.

Phát triển học liệu mở - bao gồm bài giảng trực tuyến, video, ngân hàng câu hỏi trực tuyến và các khóa học mở đại trà (Moocs) về các chủ đề mới như Pháp luật và AI - cũng là giải pháp hiệu quả. Một số trường có thể xây dựng phòng thí nghiệm ảo để mô phỏng điều tra hiện trường, phân tích chứng cứ kỹ thuật số... hỗ trợ sinh viên thực hành trong điều kiện chi phí thấp.

Về hợp tác và gắn kết thực tiễn hành nghề

Để sinh viên ứng dụng được kỹ năng số trong hành nghề, cần mở rộng hợp tác giữa trường đại học - doanh nghiệp - tổ chức hành nghề luật. Các trường có thể mời chuyên gia doanh nghiệp giảng dạy chuyên đề, tài trợ phòng nghiên cứu công nghệ hoặc đồng tổ chức cuộc thi về ý tưởng công nghệ pháp lý. Hợp tác với văn phòng luật ứng dụng công nghệ cũng giúp sinh viên tiếp cận yêu cầu nghề nghiệp hiện đại.

Ngoài ra, các mô hình thực tập trực tuyến và dự án mô phỏng nên được triển khai rộng rãi: sinh viên tư vấn pháp luật qua thư điện tử dưới sự giám sát của giảng viên; tham gia “startup pháp lý ảo” để xây dựng website dịch vụ pháp lý, quản lý hồ sơ bằng phần mềm và vận hành “công ty luật mô phỏng”. Nhiều sinh viên cho biết việc dùng Notion hoặc OneNote trong làm luận văn giúp họ rèn luyện kỹ năng tổ chức hồ sơ, trong khi làm việc nhóm qua Zoom nâng cao năng lực giao tiếp trực tuyến.

Tóm lại, phát triển năng lực số cho sinh viên luật đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, hạ tầng số và hợp tác thực tiễn. Khi các giải pháp được triển khai một cách nhất quán, các trường luật Việt Nam sẽ hình thành đội ngũ cử nhân luật “chuẩn kỹ nguyên số” -

vững chuyên môn, thành thạo công nghệ và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thị trường pháp lý hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bliss, J. (2024). Teaching Law in the Age of Generative AI, *64 Jurimetrics*, 111-161.
- [2]. Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN lần thứ tư*.
- [3]. Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- [4]. Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Quyết định 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 về việc ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học*.
- [6]. Kosmyna, N., Hauptmann, E., Yuan, Y., Situ, J., Liao, X., Beresnitzky, A., Braunstein, I., & Maes, P. (2025). *Your brain on ChatGPT: Accumulation of cognitive debt when using an AI assistant for essay writing task*. DOI: 10.48550/arXiv.2506.08872.
- [7]. Lê, T. N. (2021). Các khung năng lực số của Liên minh Châu Âu và vài gợi ý cho Việt Nam trong quá trình chuyển đổi số. Trong *Tài liệu hội thảo khoa học “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học”* (tr. 519-540). NXB Đà Nẵng.
- [8]. Lim, C. (2025). [Invest&Law] Legal Tech Trend Sweeps Law Schools Too. *The Asia Business Daily*. <https://cm.asiae.co.kr/en/article/2025040407592062923>.
- [9]. Nguyễn, T. T. H., & Đỗ, T. D. L. (2025). Đào tạo cử nhân luật trong bối cảnh phát triển công nghệ số. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. www.lsvn.vn-tapchiluatsu.vn.

- [10]. The National University of Singapore (n.d.). *Elective Law Course*. https://law1a.nus.edu.sg/student_matters/course_listing/elective_subjects.html.
- [11]. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025”*.
- [12]. UNESCO. (2022, September). *Artificial Intelligence and Digital Transformation Competencies for Civil Servants* (Working Group Report on AI Capacity Building).
- [13]. van Dongen, E. (2024). Pleading in the Virtual Courtroom: Exploring Experiential Learning in Law through Virtual-Reality-Based Exercises and Student Feedback. *European Journal of Legal Education*, 5(1), 157-190.
- [14]. Warren, Z. (2019). *Curriculum Comes Alive: How two law school use virtual reality in the classroom*. <https://www.law.com/legaltechnews/2019/07/14/curriculum-comes-alive-how-two-law-schools-use-virtual-reality-in-the-classroom/?slreturn=20250320100741>.

DEVELOPING DIGITAL COMPETENCIES AND LEGAL PRACTICE SKILLS FOR LAW STUDENTS IN THE DIGITAL TRANSFORMATION ERA

Bui Thi Nga¹, Pham Thi Ninh²

Abstract: *In the context of digital transformation taking place strongly around the world, the legal field is also deeply affected by the development of digital technology. It underscores the urgent need for law training institutions to equip students not only with legal expertise but also with digital competence and professional skills suited to the new working environment. This article analyzes the role of digital competence in legal activities, identifies the core digital skills law students need, and proposes orientations and solutions to develop this competence during the training process. The research uses a materials synthesis and analysis method. The results show that integrating digital transformation content into the training program, enhancing the application of information technology in teaching, and collaborating with professional organizations are key factors in improving students' digital competence and legal practice skills. This research provides scientific and practical arguments for the innovation of legal education in the digital age.*

Keywords: *digital competence, legal professional skills, law students, digital transformation, legal education*

¹ Hanoi Open University

² Ministry of Justice